

HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Hùng Ngân

Xác định rõ vai trò quan trọng của ngành nghề nông thôn trong phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, quyết sách phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, trong đó phải kể tới Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (Nghị định số 52) với nhiều nội dung, cơ chế, chính sách mới. Kết quả sau 2 năm triển khai sâu rộng Nghị định số 52 của Chính phủ, đời sống người dân nông thôn được nâng cao rõ rệt, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế dịch vụ ở nông thôn tạo sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Hiệu quả phát triển ngành nghề nông thôn

Hai năm thực hiện Nghị định số 52 của Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện. Nhiều địa phương cũng đã phê duyệt và thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; phê duyệt chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; xây dựng các chính sách hỗ trợ và hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề tham gia các hội chợ trong và ngoài địa phương như: Hội chợ triển lãm "Mỗi xã, phường một sản phẩm", hội chợ thương mại, hội chợ Agroviet, hội chợ làng nghề... Nhờ sự vào cuộc chủ động của các bộ ngành, địa phương, ngành nghề nông thôn đã có bước phát triển với nhiều khởi sắc.

Năm 2020, tổng số các cơ sở tham gia sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn là trên 817 nghìn cơ sở, tăng 119 nghìn cơ sở so với năm 2017 (thời điểm trước khi có Nghị định số 52 của Chính phủ). Tổng số lao động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn

là trên 2,3 triệu lao động, tăng 300 nghìn lao động so với năm 2017 (tăng 15%). Tại nhiều địa phương đã hình thành hệ thống các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư liên kết với các hộ gia đình, làng nghề trong cung ứng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làm tăng nhanh sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tổng doanh thu từ các hoạt động ngành nghề nông thôn hiện đạt 236,2 nghìn tỷ đồng, tăng 40 nghìn tỷ đồng (20,5%) so với năm 2017; trong đó các nhóm ngành nghề sản xuất đồ gốm sứ, mây tre đan, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ, điêu khắc có giá trị cao nhất. Về giá trị xuất khẩu, ngành nghề nông thôn



có mức độ tăng trưởng bình quân khoảng 10%/năm, đóng góp không nhỏ vào tăng kim ngạch xuất khẩu của đất nước. Hiện, hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam đã có mặt tại 163 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó thị trường xuất khẩu chính là Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu.

Từ năm 2018 đến nay, đã có 337 nhãn hiệu tập thể, 165 nhãn hiệu chứng nhận và 15 chỉ dẫn địa lý cấp cho các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn. Đồng thời, triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào 51 dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, 42 nhiệm vụ hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho phát triển ngành nghề nông thôn vào các lĩnh vực chế biến nông lâm sản, dược liệu, chế biến muối, sinh vật cảnh... Đặc biệt, trong giai đoạn này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai 60 mô hình, dự án thí điểm về phát triển ngành nghề nông thôn và 100 mô hình thuộc Chương trình Khuyến công quốc gia. Các địa phương cũng đã rà soát và công nhận được 25 nghề truyền thống, 94 làng nghề và làng nghề truyền thống, 137 nghề nhân và 140 thợ giỏi.

Mặc dù đã có nhiều khởi sắc nhưng phát triển của ngành nghề nông thôn, làng nghề thời gian qua còn nhiều hạn chế như: Hiệu quả kinh tế, năng suất lao động ở nông thôn hiện còn thấp; đời sống của người dân, nhất ở vùng sâu, vùng xa chưa cao; sự phân bố của khu vực ngành nghề nông thôn, làng nghề không đồng đều giữa các vùng, miền, địa phương; hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề chủ yếu vẫn là sản xuất tại các hộ gia đình quy mô nhỏ, tập trung ở khu vực dân cư có mặt bằng chật hẹp không có khả năng

mở rộng; cơ sở hạ tầng làng nghề còn yếu.

Thiết bị công nghệ sản xuất lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường; thiếu đội ngũ lao động có tay nghề giỏi, kỹ năng nghề cao và sự am hiểu về xu hướng thị trường còn yếu; việc tiếp cận vốn vay của các tổ chức tín dụng còn hạn chế, lãi suất vay còn cao, thời hạn vay ngắn nên không đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Sản phẩm làm ra phần lớn không theo chuỗi giá trị, công ăn việc làm chưa được đảm bảo; nhận thức về tầm quan trọng, vai trò, vị trí của việc phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống chưa cao; nhiều địa phương còn lúng túng, chưa cụ thể hóa các nhiệm vụ, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện.

Việc triển khai các chính sách hỗ trợ và thu hút vốn phát triển, di dời các cơ sở sản xuất, làng nghề gây ô nhiễm môi trường vào các cụm công nghiệp tập trung còn chậm; công tác đào tạo nghề, truyền nghề, xây dựng thương hiệu làng nghề chưa được quan tâm đúng mức.

Phát triển ngành nghề nông thôn thời gian tới

Để phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề thời gian tới cần phát triển theo chuỗi giá trị và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, trong đó tập trung vào các giải pháp như:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng và Nhà nước, ý nghĩa, tầm quan trọng và nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương về phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề, nghề và làng nghề truyền thống.

Hai là, tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề án, dự án phát triển

ngành nghề nông thôn, bảo tồn phát triển các nghề, làng nghề truyền thống, tổ chức công nhận nghề làng nghề, công nhận và tôn vinh nghề nhân, thợ giỏi.

Ba là, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng đến các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, đồng thời đơn giản hóa thủ tục vay vốn để tăng cường khả năng tiếp cận của các cơ sở đến nguồn vốn ưu đãi.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng thời chú trọng đến xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Bên cạnh đó, cần khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tại làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề theo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại - du lịch của các địa phương và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển du lịch làng nghề...

Sáu là, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về ngành nghề nông thôn, thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận, bảo tồn làng nghề truyền thống; nâng cao vai trò của các hiệp hội, ngành hàng nông thôn; xây dựng một số trung tâm bảo tồn và phát triển sản phẩm ngành nghề nông thôn ở những nơi có lợi thế để có thể tập hợp nguồn lực, nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm mới./.



TIN ĐỊA PHƯƠNG

Kon Tum

2 tháng tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tăng

Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh Kon Tum hai tháng đầu năm 2021 đạt 4.070,840 tỷ đồng, tăng 17,86% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành thương nghiệp đạt 3.484,889 tỷ đồng, chiếm 85,64% trong tổng mức và tăng 19,04%; ngành lưu trú, ăn uống và du lịch đạt 356,555 tỷ đồng, chiếm 8,76% trong tổng mức và tăng 13,53%; ngành dịch vụ đạt 229,397 tỷ đồng, chiếm 5,64% trong tổng mức và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Kon Tum

Hà Giang:

Đảm bảo huy động vốn

Cục Thống kê tỉnh Hà Giang cho biết, trong tháng Hai, các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nhất là khách hàng có quan hệ truyền thống để duy trì ổn định mức huy động. Bên cạnh đó, tăng cường công tác huy động vốn thông qua việc đưa ra các sản phẩm huy động đa dạng đối với khách hàng, tiếp tục triển khai các chương trình Chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm dự thưởng đa dạng, qua đó đã góp phần tăng trưởng nguồn vốn huy động tại địa phương. Tính đến ngày 28/02/2021, tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã đạt 25.388 tỷ đồng, trong đó huy động tại địa phương ước đạt 13.933 triệu đồng, tăng 0,8% so với tháng trước bằng 112 tỷ đồng, tăng 3,2% so với thời điểm 31/12/2020 bằng 432 tỷ đồng. Tổng dư nợ đến 28/02/2021 ước đạt 23.914 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước bằng 119 tỷ đồng, so với thời điểm

31/12/2020 tăng 0,6% bằng 149 tỷ đồng. Trong tháng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục ưu tiên đáp ứng nhu cầu vay cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Giang

Thái Bình

Kim ngạch xuất nhập khẩu 2 tháng tăng so với cùng kỳ

Theo Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, hai tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 249 triệu USD, tăng 111,9% so với cùng kỳ. Phân theo loại hình kinh tế: Kinh tế tư nhân đạt 130 triệu USD, tăng 4,1%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 119 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ (chủ yếu do lượng thép, phôi thép của Công ty Sengly và dây dẫn điện, phương tiện vận tải, phụ tùng của 3 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng cao). Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Sản phẩm mây, tre, cói và thảm tăng 6 lần; sản phẩm gỗ tăng 4 lần; hàng thủy sản tăng 42%; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 15,8%... Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm so với cùng kỳ như: Sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 85,8%; xăng dầu các loại giảm 58,1%; xơ, sợi dệt các loại giảm 48,7%; sản phẩm gốm sứ giảm 42%...

Về nhập khẩu, hai tháng đầu năm 2021, trị giá nhập khẩu đạt 245 triệu USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ. Phân theo loại hình kinh tế: Kinh tế tư nhân đạt 129 triệu USD, tăng 7,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 116 triệu USD, tăng 33% so với cùng kỳ. Các mặt hàng có giá trị nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày tăng 84,2%; hàng hóa khác tăng 88,4%; máy vi tính, sản phẩm điện tử tăng 31,1%; vải các loại tăng 19,6%...



Bên cạnh đó, một số mặt hàng giảm so với cùng kỳ như: Máy móc, thiết bị, phụ tùng khác giảm 72%; hàng thủy sản giảm 58,2%; bông các loại giảm 50,4%; xơ, sợi dệt các loại giảm 47%...

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Hà Tĩnh

Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa đạt mức tăng khá

Tính chung hai tháng đầu năm 2021, doanh thu vận tải tăng 10,84% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Vận tải hành khách doanh thu tăng 6,72%; sản lượng vận chuyển tăng 5,85% và luân chuyển tăng 4,92%; vận tải hàng hóa doanh thu tăng 3,42%; khối lượng vận chuyển tăng 1,39% và luân chuyển tăng 3,2%. Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 53,92% so với cùng kỳ năm trước.

Theo Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, nhìn chung, hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh những tháng đầu năm 2021 đáp ứng được nhu cầu của người dân và có mức tăng khá so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, hoạt động vận tải thời gian tới sẽ còn nhiều khó khăn thách thức.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

TP. Đà Nẵng

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong hai tháng đầu năm tăng

Theo Cục Thống kê TP. Đà Nẵng, chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong hai tháng năm 2021 tăng 0,62% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng chung thấp hơn nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm 2020 (+6,03%). Nhóm hàng tăng cao hơn so với mức tăng chung như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,64%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,51%; giáo dục tăng 2,19%; thiết bị

và đồ dùng gia đình tăng 1,29%; may mặc, mũ nón và giày dép tăng 1,31%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,44%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,41%. Những nhóm hàng có chỉ số giá bình quân trong hai tháng giảm thấp hơn mức tăng chung gồm: Giao thông giảm 6,58%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 4,55%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,58%; bưu chính viễn thông giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê TP. Đà Nẵng

Tiền Giang

Chủ động ứng phó tình hình hạn, mặn đảm bảo cho sản xuất lúa Đông Xuân 2020-2021

Trước diễn biến xâm nhập mặn phức tạp, ngay từ những tháng cuối năm 2020, UBND tỉnh Tiền Giang đã triển khai công tác ứng phó; chỉ đạo các sở, ngành và địa phương theo dõi tình hình hạn, mặn, quan trắc và vận hành các công trình, tổ chức lấy gạn nước ngọt qua cống Xuân Hòa vào trữ nước trên các kênh trục chính trong vùng ngọt hóa Gò Công để đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất lúa Đông Xuân 2020-2021. Tính đến tháng 2/2021, vụ Đông Xuân 2020-2021 đã chính thức xuống giống 51.647 ha, đạt 100% kế hoạch gieo trồng của vụ, giảm 10,3% so với cùng kỳ do chuyển từ diện tích trồng lúa sang trồng cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao hơn như: Sầu riêng, mít, thanh long,... Mặc khác, do hạn, mặn kéo dài ở khu vực phía Đông chưa xả sủ kịp độ mặn nên một số diện tích không gieo trồng được.

Ngoài ra, vụ 3 tại vùng Dự án Thủy lợi ngọt hóa Gò Công: Diện tích xuống giống 1.467,85 ha. Trà lúa đang giai đoạn đẻ nhánh: 1.195,65 ha, làm đòng: 272,2 ha. Theo Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, nếu diễn biến mặn như hiện nay hoặc tốt hơn thì lúa không bị ảnh hưởng, nhưng nếu mặn phải đóng cống Xuân Hòa thì diện tích lúa đang đẻ nhánh có khả năng bị ảnh hưởng./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang